

Số: 621 /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 37/TTr-SXD ngày 11/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1063/QĐ-CT ngày 16/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường,

xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *đ*

Nơi nhận:

- VPCP; Bộ XD;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỘNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Đài PT&THHP; Báo HP; Báo ANHP;
- Công TĐTTP;
- Phòng: KSTTHC; XDGT&CT; KTGS&TĐKT;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC

Thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (57 TTHC)
(kèm theo Quyết định số 621 /QĐ-CT ngày 25 /3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (23 TTHC)

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Số Xây dựng	UBND thành phố			Dịch vụ công trục tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản (01 TTHC)								
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND thành phố quyết định.	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Số Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
II. Lĩnh vực Phát triển đô thị (07 TTHC)								
1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Số Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
2	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Số Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.

3	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
4	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
5	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án tái thiết khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
6	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND thành phố.	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
7	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế	30 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng 2014; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ;

phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.						quá	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013; - Quyết định 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013.
---	--	--	--	--	--	-----	--

III. Lĩnh vực Nhà ở và Công sở (09 TTHC)

1	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở (theo quy định tại Khoản 5, Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP).	25 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
2	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở (theo quy định tại Khoản 6, Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP).	25 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
3	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	23 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
4	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố.	17 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

5	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.	55 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
6	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh Nhà	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
7	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước.	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học hoặc tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
8	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.	40 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

9	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài.	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
---	--	------------------	------------------	-------------	-------	--------------------------	---

IV. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (03 TTHC)

1	Cấp Giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	2000.000 đ/giấy phép	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Thông tư số 05/2017/TT-BXD	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 5/4/2017;

								<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.
3	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Thông tư số 05/2017/TT-BXD		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.

V. Lĩnh vực Xây dựng (03 TTHC)

1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng.	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014; - Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số

	đôi với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND thành phố cho phép hoạt động.							59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014; - Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND thành phố đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014; - Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ XÂY DỰNG (24 TTHC)**

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Xây dựng (18 TTHC)							
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ	Sở Xây dựng	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ	Sở Xây dựng	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.

3	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (ngày làm việc)	Sở Xây dựng	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
4	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	15.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	05 ngày làm việc	Sở Xây dựng	15.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
6	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên	30 ngày làm việc đối với công	Sở Xây dựng	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số

	các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	trình, 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ		công trình 150.000 đ/ giấy phép			45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
7	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.	25 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1155/QĐ-SXD ngày 22/8/2018.
8	Cấp/nâng hạng/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Cấp mới 300.000 đ chứng chỉ; Điều chỉnh, bổ sung là 150.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1155/QĐ-SXD ngày 22/8/2018.
9	Cấp lại nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày

						05/4/2017; - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1155/QĐ-SXD ngày 22/8/2018.
10	Cấp/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Cấp mới 1.000.000 đ chứng chỉ; Điều chỉnh, bổ sung là 500.000 đ/ chứng chỉ	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1155/QĐ-SXD ngày 22/8/2018.
11	Cấp lại nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	500.000 đ/ chứng chỉ	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017; - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1155/QĐ-SXD ngày 22/8/2018.
12	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.	30 ngày đối với dự án nhóm B; 20	Sở Xây dựng	Thông tư số 209/2016 /TT-BTC	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày

		ngày đổi với dự án nhóm C (ngày làm việc)					12/5/2015; - Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 03/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Quyết định số 838/QĐ- BXD ngày 29/8/2016.
13	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Thông tư số 209/2016 /TT- BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; - Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 03/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Quyết định số 838/QĐ- BXD ngày 29/8/2016.
14	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh.	30 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Thông tư số 210/2016 /TT- BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 03/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Quyết định số 838/QĐ- BXD ngày 29/8/2016.

15	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	30 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Thông tư số 210/2016 /TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
16	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016; - Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
17	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	2.000.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

18	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	2.000.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
----	---	------------------	-------------	------------------------	--	--------------------------	--

II. Lĩnh vực Kỹ thuật hạ tầng đô thị (01 TTHC)

1	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.	15 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; - Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010; - Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định 2464/2015/QĐ-UBND ngày 2/11/2015.
---	--	------------------	-------------	-------	--	--------------------------	---

III. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản (03 TTHC)

1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	200.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015; - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
2	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng.	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	200.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015; - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
3	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn).	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	200.000 đ/ chứng chỉ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015; - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

IV. Lĩnh vực Nhà ở và Công sở (02 TTHC)

1	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn thành phố.	30 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.
2	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.	15 ngày làm việc	Sở Xây dựng	Không	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016.

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (10 TTHC)**

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Xây dựng (07 TTHC)							
1	Cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số

							10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
3	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
4	Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	15.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
5	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	15.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Nghị quyết số

							45/2018/NQ-HĐND* ngày 10/12/2018; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
6	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, thành phố.	30 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đ/ giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.
7	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	20 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Thông tư số 209/2016 /TT-BTC		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017.

II. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (03 TTHC)

1	Cấp Giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.	45 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Thông tư số 05/2017 /TT-BXD		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng số năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị số năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Thông tư số
---	--	------------------	----------------	-----------------------------	--	--------------------------	---

						05/2017/TT-BTC ngày 05/4/2017;- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.
2	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	20 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Theo Thông tư số 05/2017 /TT-BXD	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng số năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị số năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 05/4/2017; - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.
3	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	25 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	Thông tư số 05/2017 /TT-BXD	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Xây dựng số năm 2014; - Luật Quy hoạch đô thị số năm 2009; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; - Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016; - Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 05/4/2017; - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016; - Quyết định số 1437/2017/QĐ-UBND ngày 6/6/2017.